

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 2296/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Nhà đa năng Trường THPT Đông Sơn 2, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT- BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư mở rộng, nâng cấp các trường trung học phổ thông năm 2017 để đạt chuẩn quốc gia vào năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3182/SXD-HĐXD ngày 19/6/2017, kèm theo hồ sơ thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà đa năng Trường THPT Đông Sơn 2, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà đa năng Trường THPT Đông Sơn 2, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Nhà đa năng Trường THPT Đông Sơn 2, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa,.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường THPT Đông Sơn 2, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa,.

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật.

a) *San nền khu vực xây dựng nhà đa năng*: Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức, đảm bảo thoát nước mặt về phía Tây của khu đất, khối lượng san nền được tính theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 10x10m, cao độ san nền cao nhất là 5,1m, thấp nhất là 5,0m. Vật liệu san nền bằng đất đắp đầm chặt K95.

b) *Sân bê tông, bó vỉa bồn hoa*: Sân bê tông xung quanh nhà đa năng với diện tích khoảng 842,6 m², cấu tạo gồm các lớp: Bê tông đá 1x2 mác 200# dày 100mm, bê tông đá 4x6 mác 100# dày 100mm, đất san nền đầm chặt, sân được cắt khe co giãn kích thước 5x5m; Bó vỉa bồn hoa với tổng chiều dài 66,6m, xây gạch không nung mác 50#, trát hoàn thiện, lót bê tông đá 4x6 mác 100#, dày 100mm.

c) *Hệ thống phòng cháy chữa cháy ngoài nhà, gồm*: Nhà đặt máy bơm 01 tầng kích thước 2,0x2,5m, tường chịu lực, móng băng đá hộc, hệ giằng tường, mái đổ BTCT đá 1x2 mác 200#; Bể nước phòng cháy chữa cháy có kích thước 6,5x6,5x3,6m, chia thành 4 ngăn, tường, nắp, đáy bể đổ BTCT đá 1x2 mác 200#.

5.2. Hạng mục: Nhà đa năng (Ký hiệu số 03, trên tổng mặt bằng xây dựng, diện tích xây dựng 621,6m²).

a) *Giải pháp kiến trúc*: Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 18,5x33,6m; Chiều cao công trình là 12,15m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,75m. Mặt bằng gồm sân đa năng, sân khấu, 01 phòng chờ - thay đồ, 01 phòng vệ sinh nam - nữ riêng biệt. Lối tiếp cận gồm 01 sảnh chính và 02 sảnh phụ, sảnh phụ kết hợp đường dốc cho người khuyết tật.

Nền khu vực sân tập đa năng, sân khấu lát gỗ công nghiệp dày 12mm; nền phòng chờ - thay đồ lát gạch ceramic 500x500mm; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn 250x250mm; bậc thềm ốp đá grannit. Tường xây gạch không nung, trát hoàn thiện, lăn sơn trực tiếp; riêng khu vệ sinh tường ốp gạch kích thước 250x400mm. Cấu tạo mái khu vực sân thi đấu (M) gồm các lớp: lớp tôn cách âm cách nhiệt, xà gồ thép hình, vì kèo thép hình, tấm trần thả thạch cao; cấu tạo mái sân (SN), mái sảnh (MS) gồm các lớp: vữa XM mác 75# tạo dốc về ga thu, lớp chống thấm, sàn BTCT, lớp trát trần. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa nhựa lõi thép gia cường, kính dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ dùng thép vuông 12x12mm sơn 03 nước chống gỉ.

b) *Giải pháp kết cấu*: Phần móng sử dụng giải pháp móng băng kết hợp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200#, tường móng băng xây gạch không nung VXM mác 50#, giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200# đổ tại chỗ, khu vực sân khấu sử dụng móng băng đá hộc VXM mác 50#, nền được gia cố bằng cọc tre; Phần

thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200# đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình 220x300mm, 220x400mm; tiết diện cột điển hình 220x220mm, 220x400mm; sàn BTCT dày 100mm. Phần mái sử dụng hệ vì kèo thép hình khẩu độ 18,5m liên kết với cột bằng bu lông chôn sẵn trong cột; hệ thống xà gồ thép hình, giằng đứng, giằng ngang thép tròn, thép vì kèo sử dụng loại CCT34, liên kết hàn sử dụng que hàn N42, bu lông cường độ 8.8.

c) *Giải pháp cấp điện, chống sét*: Hệ thống điện được đấu nối từ nguồn điện hiện có của trường, kéo đến tủ điện tổng phân phối đến các thiết bị sử dụng điện, hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa. Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng hệ thống kim thu sét, dây dẫn sét, hệ cọc tiếp địa, dây tiếp địa.

d) *Giải pháp cấp, thoát nước*:

- Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước hiện có của trường, cấp đến bể nước ngầm và được bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh. Ống cấp nước sử dụng các ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước xung quanh công trình. Nước thải từ chậu rửa, lavabo, nước mưa trên mái được thu vào đường ống riêng và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

- Bể nước ngầm, bể tự hoại: Tường bể xây gạch vữa XM mác 75#, trát láng vữa XM mác 75#; đáy bể đổ BTCT tại chỗ đá 1x2 mác 200#, nắp bể dùng tấm đan BTCT đúc sẵn.

- Xung quanh công trình được thiết kế hệ thống rãnh thoát nước kết hợp hố ga. Tường rãnh, hố ga xây gạch VXM mác 50#, lót móng bê tông đá 4x6 VXM mác 100#, tấm đan rãnh, hố ga đổ BTCT đá 1x2 mác 200#.

đ) *Giải pháp phòng cháy, chữa cháy*: Hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình gồm: hệ thống báo cháy, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn exit, hệ thống chữa cháy tại chỗ (hộp đựng bình chữa cháy, bình chữa cháy, bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy...) và hệ thống chữa cháy bằng nước (hộp chữa cháy, họng nước, lăng phun, vòi phun, van khóa, máy bơm, trụ chữa cháy ngoài nhà...).

e) *Giải pháp phòng chống mối*: Tiến hành xử lý chống mối bên ngoài, bên trong và mặt nền công trình bằng cách đào hào và phun dung dịch chống mối.

Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 3182/SXD- HĐXD ngày 19/6/2017)

6. Tổng mức đầu tư: 6.336.920.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 5.163.876.000 đồng;
- Chi phí QLDA 154.071.282 đồng;
- Chi phí TVĐTXD công trình: 640.965.198 đồng;
- Chi phí khác: 253.754.316 đồng;
- Chi phí dự phòng: 124.253.336 đồng.

(Chi tiết tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo).

7. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh từ nguồn vốn sự nghiệp giáo dục và đào tạo hàng năm.

8. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành của pháp luật .

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo (chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Các ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

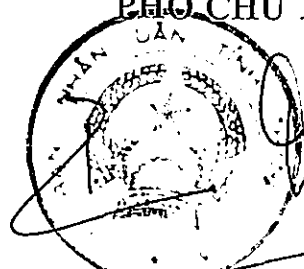
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- PCVP UBND tỉnh Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, VX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Phụ lục: TÔNG MỤC ĐẦU TƯ
 Công trình: Nhà đa năng Trường THPT Đông Sơn 2,
 huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 2296/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành Tiền
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G _{XD}		5.163.876.000
1	Nhà đa năng		Dự toán chi tiết	4.619.740.000
2	Phòng chống mối		Dự toán chi tiết	163.638.000
3	Phòng cháy chữa cháy		Dự toán chi tiết	380.498.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G _{QLDA}	(G _{XD}) ^{trước VAT} x 3,282%	154.071.282
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	G _{TV}		640.965.198
1	Chi phí khảo sát		Theo kết quả thẩm tra số: 1043/SXD-BPTĐT ngày 10/3/2017 của Sở Xây dựng	157.141.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		G _{XD} ^{trước VAT} x 4,488%	231.754.755
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC		G _{XD} ^{trước VAT} x 0,258%	13.322.800
4	Chi phí thẩm tra dự toán		G _{XD} ^{trước VAT} x 0,250%	12.909.690
5	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp		G _{XD} ^{trước VAT} x 0,432%	22.307.944
6	Chi phí giám sát thi công XD		G _{XD} ^{trước VAT} x 3,285%	169.633.327
7	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư		20% x G _{qlda}	33.895.682
IV	CHI PHÍ KHÁC	G _K		253.754.316
1	Chi phí bảo hiểm công trình		G _{XD} ^{trước VAT} x 0,080%	4.131.101
2	Chi phí hạng mục chung		G _{XD} ^{trước VAT} x 3,500%	184.173.783
3	Lệ phí thẩm định báo cáo KTKT		TMĐT x 0,019%	1.235.000
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		TMĐT x 0,598%	38.870.000
5	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu		G _{XD} ^{trước VAT} x 0,100%	4.694.433
6	Phí thẩm duyệt PCCC		TMĐT x 0,01%	650.000
7	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (Tạm tính)		Theo văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013	20.000.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G _{DP}	(I+II+III+IV) x 2,0%	124.253.336
	Tổng cộng (làm tròn)			6.336.920.000